

# Sử dụng chiến lược khuyến khích nói tiếng Anh ở lớp đông cho sinh viên Trường Đại học Điện lực

Nguyễn Việt Hà, Vũ Thị Sinh\*

\*Trường Đại học Điện Lực

Received: 22/2/2024; Accepted: 2/3/2024; Published: 3/4/2024

**Abstract:** Teaching English in large classes is a trend that has not changed in the short term at many universities in Vietnam in general and at Electric Power University in particular, which causes low efficiency in teaching. Class size of 40 to 50 students is too large, leading to three common problems for teachers including physical, psychology and pedagogy. In reality, given time restraint in class, large class and great variety of students serve as impediment for learning outcomes of high quality. Therefore, the employment of proper pedagogical approaches, appropriate teaching strategies would be an optimum solution to the conundrum.

**Keywords:** Class size, overcrowded classes, teaching English in large classes

## 1. Đặt vấn đề

Việc dạy tiếng Anh ở những lớp đông là một xu hướng chưa thay đổi được trong ngắn hạn ở nhiều trường đại học tại Việt nam nói chung và trường Đại học Điện Lực (ĐHĐL) nói riêng. Khi giảng dạy những lớp học có sĩ số quá đông (thường từ 40 đến 50 sinh viên) dẫn đến hiệu quả giảng dạy thấp và ba vấn đề tồn tại của Giáo viên (GV) phổ biến trong dạy học lớp lớn gồm thể chất, tâm lý và phương pháp sư phạm (Xu, 2001). Trên thực tế, khung thời lượng hạn hẹp trên lớp số lượng sinh viên (SV) quá đông và sự phân hóa mạnh về trình độ của người học đã gây trở ngại đến chất lượng học tập. Bài viết này nhằm phân tích thực trạng và đề xuất các chiến lược dạy học phù hợp như việc học tập tích cực sẽ là giải pháp tối ưu cho vấn đề này.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm về lớp có sĩ số đông (lớp lớn)

Một lớp học khoảng 30 SV thường được coi là có sĩ số bình thường, nếu nhiều hơn thì sẽ được hiểu là lớp đông. Nhưng đối với lớp học ngoại ngữ thì chỉ với qui mô trên 20 SV đã được xếp vào nhóm lớp đông. Trong bài báo này, thì một lớp học đông là khi có sĩ số trên 20. Tác giả Sulistoyawati (2012) cho rằng số lượng học viên lý tưởng trong một lớp ở các nước phát triển là từ 20 đến 32. Rõ ràng là các lớp học đông đem đến những thách thức lớn cho GV dạy tiếng Anh như là một ngoại ngữ (EFL), làm ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng dạy tiếng Anh cũng như kết quả học tập của SV.

### 2.2. Khái quát về đặc điểm dạy học ở trường ĐHĐL

Khoa Ngoại Ngữ Trường ĐHĐL có 16 GV tiếng Anh, chủ yếu đào tạo kỹ sư, kỹ thuật viên hệ thống điện cho ngành điện và một số ngành kinh tế khác. Sinh viên năm nhất phải học một năm tiếng Anh tổng quát, giáo trình “Empower -Second Edition” có tích hợp 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết gồm 12 bài. Để tìm hiểu ý kiến và nhận định của GV và SV của các lớp tiếng Anh có sĩ số đông ở ĐHĐL, tác giả đã tiến hành khảo sát 150 SV năm thứ nhất và thứ hai của nhà trường và 16 GV, thời gian khảo sát từ 7/12/2022 đến 25/12/2024 với bảng câu hỏi điều tra dưới đây.

Câu hỏi điều tra tác động của việc dạy/học tiếng Tiếng Anh ở lớp đông

Khoanh tròn vào số phù hợp với ý kiến của bạn.

- 1 = Điều này không bao giờ xảy ra trong lớp.
- 2 = Điều này hiếm khi xảy ra trong lớp.
- 3 = Điều này thỉnh thoảng xảy ra trong lớp.
- 4 = Điều này thường xảy ra trong lớp.
- 5 = Điều này luôn luôn xảy ra trong lớp

1. Mất nhiều thời gian dành cho duy trì kỷ luật, trật tự trên lớp	1	2	3	4	5
2. Thắc mắc của SV không được giải đáp hết	1	2	3	4	5
3. Mong muốn đến lớp của SV	1	2	3	4	5
4. Sĩ số lớp lí tưởng cho việc học tiếng Anh 4 kỹ năng	1	2	3	4	5
5. SV ít có cơ hội được luyện tập thực hành nghe nói	1	2	3	4	5
6. Mức độ luyện kỹ năng nói phù hợp với trình độ và tốc độ của sinh viên	1	2	3	4	5
7. SV cảm thấy bị không được quan tâm, bị bỏ quên	1	2	3	4	5

### 2.3. Kết quả khảo sát

Có tới 67,5 % SV (ở GV 70%) cho rằng nhiều

thời gian học đã bị lãng phí vào việc duy trì kỷ luật lớp, làm giảm thời gian học. 62% các em nhận định GV không hoặc hiếm khi giải đáp khi hết được thắc mắc do trình độ SV phân hóa mà thời lượng có hạn, Số lượng các SV không mong muốn (và hiếm khi) đến lớp hoặc đến chỉ vì điểm danh thay vì học kiến thức chiếm tới xấp xỉ 66.9% thực sự là một con số đáng quan ngại. 84,6% SV (95,8% GV) đánh giá sĩ số lớp quá đông để thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong môn tiếng Anh, ngành học có đặc thù hạn chế số lượng nếu so với con số cho một mô hình lớp học ngoại ngữ lí tưởng chỉ là 10-15 SV. 73% GV cho biết không có cơ hội cho SV thực hành luyện nói (con số này ở SV là 81%). Khoảng hơn một nửa số SV và GV được hỏi cho biết những gì được học (dạy) luôn luôn không đúng (hoặc ít khi đúng) với kì vọng. Điều này không khó hiểu khi SV có nền tảng học vấn khác nhau và không được phân loại xếp lớp. Chương trình học không phù hợp, hoặc quá dễ, hoặc quá khó so với năng lực và tốc độ tiếp thu thực tế đối với SV chiếm tới 70%, một trong những nguyên nhân quan trọng làm giảm hứng thú và động cơ lên lớp. Số SV cảm thấy không được chú ý chiếm tới 63% đã cho thấy tác động rõ nét của sĩ số đông đã hạn chế nhiều năng lực đáp ứng kì vọng của GV với SV.

Như vậy qua kết quả khảo sát, chúng ta có thể nhận thấy bản thân các lớp học đông đã gây trở ngại lớn cho việc đạt được các mục tiêu giáo dục.

*Thứ nhất*, GV thường mất nhiều thời gian và năng lượng hơn trong việc tổ chức lớp học/người học, đưa ra hướng dẫn, duy trì kiểm soát và kỷ luật hoặc tổ chức công việc nhóm.

*Thứ hai*, phương pháp chỉ tập trung vào nội dung bài giảng thường được GV áp dụng để đối phó với những thách thức của lớp lớn đã làm giảm thiểu tương tác giữa thầy trò.

*Thứ ba* là năng lực không đồng đều của người học sẽ làm mất hứng thú của những em khá, giỏi (do thấy nhàm chán vì biết rồi) và các em chậm (nản lòng do không hiểu và tự ti.) Các GV ĐHDL đều cho rằng các lớp đông cần thêm nhiều thời gian để xử lý các hoạt động phi học thuật liên quan đến quản lý tổ chức lớp nhằm duy trì kỷ luật trật tự. Khi thời lượng và cơ hội học giảm sẽ hạn chế cả thầy và trò hoàn thành bài giảng theo đúng tiến độ, chưa nói đến việc phải mở rộng, đào sâu kiến thức hoặc đáp ứng những yêu cầu học tập cá nhân của từng SV.

Tóm lại tất cả các GV đều thấy nản lòng khi dạy lớp lớn vì dù phải nỗ lực mất sức nhiều hơn mà chất lượng học tập lại thấp. Những vấn đề họ thường gặp phải bao gồm: 1) duy trì kỉ luật trong lớp; 2) đáp ứng

mọi nhu cầu của SV với các sở thích, năng lực, tính cách, nền tảng học vấn; 3) tổ chức hiệu quả các hoạt động trên lớp do hạn chế về thời gian và không gian; 4) cung cấp các cơ hội đều nhau cho mọi SV để tham gia và luyện tập; 5) phản hồi, đánh giá kịp thời và hiệu quả.

## **2.4. Chiến lược khuyến khích nói tiếng anh trong môi trường lớp đông sv Trường Đại học Điện lực**

### **2.4.1. Chia lớp thành các nhóm nhỏ**

Sử dụng hoạt động nhóm để tăng cơ hội nói trong lớp học đông người. Với những nhóm nhỏ thì GV có thể thu hút được ngay sự tham gia của hầu hết SV vào các hoạt động học tập. Những em nhút nhát hoặc học lực yếu sẽ cảm thấy thoải mái hơn nhiều khi đặt câu hỏi với những bạn khác trong nhóm thay vì phải hỏi GV và đứng lên trước sự chú ý của cả lớp. Cùng lúc đó SV khá giỏi có cơ hội thể hiện năng lực và thấy bản thân mình trở nên hữu ích và phấn khích do tham gia ở một vai trò mới mẻ là chia sẻ kiến thức giống như trợ giảng khi giúp đỡ được bạn cùng nhóm. Điều đó cũng có nghĩa là trách nhiệm giải thích bài giảng và quản lý kỉ luật của của GV đã được chia sẻ bớt rất nhiều cho các nhóm nhỏ

### **2.4.2. Phương pháp phỏng vấn**

Một SV thường được nhiều bạn học phỏng vấn đặt câu hỏi. Các cuộc phỏng vấn có thể được sử dụng để thu hút người học tham gia vào hoạt động và có thể bao gồm thông tin cá nhân, những điều thích và không thích, sự hiểu biết về các tài liệu đã học trước đó như văn bản hoặc hình ảnh hoặc những trải nghiệm thú vị trong quá khứ. Trong hoạt động phỏng vấn, SV được hỏi nên bổ sung thêm thông tin vào câu trả lời cho câu hỏi và SV hỏi nên sử dụng thông tin do người được hỏi cung cấp làm cơ sở cho các câu hỏi tiếp theo. Chiến lược này rất hữu ích để duy trì cuộc trò chuyện và là một hoạt động nói đáng giá.

### **2.4.3. Sắp xếp cấp trên-dưới**

Là công việc nhóm phổ biến nhất trong đó một hoặc hai người học, ở vị trí cấp trên, có tất cả thông tin mà những người khác trong nhóm cần và biết câu trả lời đúng là gì. Một trong những kỹ thuật phổ biến được sử dụng trong cách sắp xếp này là Vẽ có phản hồi. Một SV có một bức tranh mà mình mô tả cho bạn khác vẽ nó bằng cách làm theo mô tả. Khi vẽ xong, em đó đưa bức vẽ của mình cho bạn mô tả bức tranh đó. SV tả tranh sẽ xem xét cẩn thận và sau đó nói xem tránh có sai sót gì và tiếp tục mô tả cho đến khi bức vẽ cuối cùng giống với bản gốc. Sau đó người học có thể thay đổi vai trò.

*(Xem tiếp trang 212)*

huy được sự sáng tạo của mình vì ngoài việc tìm kiếm thông tin về địa điểm du lịch thì SV còn cần nghĩ cách để xây dựng 1 video sáng tạo, hấp dẫn về mặt nội dung và hình thức, cũng như thiết kế 1 tour du lịch có điểm nhấn khác biệt.

Đặc biệt, có SV còn đề cập đến 1 lợi ích khác của bài tập lớn này. Đó là, với các địa điểm ở gần, SV có thể kết hợp việc đến đó tìm hiểu thông tin và du lịch trải nghiệm. Ví dụ, nhóm làm về làng chuồn chuồn tre Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội đã dành 1 ngày ý nghĩa ở đó vừa để quay video vừa để trải nghiệm và trò chuyện với các nghệ nhân ở đây.

### 3. Kết luận

SV nhận thấy được các lợi ích của việc làm bài tập lớn môn TADL bao gồm (1) mở rộng kiến thức về chuyên ngành du lịch, (2) có cơ hội trải nghiệm tại địa điểm du lịch được lựa chọn, (3) cải thiện 1 số kỹ năng như làm việc theo nhóm, làm slides, sáng tạo, thuyết trình .... SV cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình đó, bao gồm (1) lựa chọn 1 địa điểm du lịch phù hợp, (2) tìm kiếm thông tin về địa điểm

đó, (3) làm việc trong 1 nhóm bao gồm các SV đến từ các lớp khác nhau, (4) lựa chọn thông tin để đưa vào video .... Tuy nhiên, trên thực tế, không bài tập lớn nào là không đặt ra 1 số khó khăn, thách thức nhất định cho người học. Do đó, để phát huy tối đa hiệu quả của bài tập lớn này, hi vọng nhóm biên soạn môn học TADL sẽ có các phương án hỗ trợ SV khắc phục các khó khăn nêu trên để các em có thể tiến hành bài tập lớn 1 cách thuận lợi hơn.

### Tài liệu tham khảo

1. Ennis, M., & Petrie, G. (Eds.). (2019). *Teaching English for tourism: Bridging research and praxis*. Routledge.

2. Marzá, N. E. (2014). A practical corpus-based approach to teaching English for tourism. *International Journal of Applied Linguistics and English Literature*, 3(1), 129-136.

3. Nha, V. T. T. (2018). TEACHING ENGLISH FOR TOURISM TO MEET LEARNERS' NEEDS. *VNU Journal of Foreign Studies*, 34(6). <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4322>

---

## Sử dụng chiến lược khuyến khích.....(tiếp theo trang 203)

### 2.4.4.Đóng vai trong lớp.

Hoạt động này còn có thể giúp SV nâng cao vốn từ vựng. (Đóng vai là một chiến lược giúp SV nói, đặc biệt là đối với những SV rụt rè, kiệm lời hoặc những SV không muốn nói. Không chỉ giúp các em nói nói mà còn giúp cả cải thiện từ vựng. Sau khi đóng vai, tổ chức thảo luận để SV có thể suy ngẫm về cách thể hiện của mình. Đừng quên cung cấp phản hồi mang tính xây dựng về cách sử dụng ngôn ngữ và cách phát âm. Hoạt động đóng vai là công cụ năng động và linh hoạt trong việc dạy tiếng Anh hoặc ngoại ngữ. SV được đưa vào các tình huống thực tế, bồi dưỡng kỹ năng ngôn ngữ và xây dựng sự tự tin. Nhờ đó các em được truyền cảm hứng để sử dụng tiếng Anh một cách trôi chảy và tự tin hơn.

### 3. Kết luận

Thông qua việc nhận diện được những thách thức mà GV EFL ĐHDL phải đối mặt khi giảng dạy ở những lớp sĩ số đông, có thể nhận thấy dạy học ở bối cảnh này thực sự gây ảnh hưởng tiêu cực tới hiệu quả học tập. Tuy nhiên, đây cũng chính là cơ hội cho GV nâng cao năng lực tự phát triển bản thân và không ngừng cập nhật chiến lược giảng dạy phù hợp bằng việc áp dụng phương pháp học tập tích cực, lấy SV làm trung tâm, như ABL, hay đọc viết mở rộng,

làm việc nhóm, tổ chức hoạt động trò chơi... Những phương pháp này sẽ thay đổi mạnh mẽ thái độ học tập nhờ việc thu hút sự tham gia tối đa một cách tích cực và chủ động của SV các hoạt động thực tế hấp dẫn lý, tiếp xúc với các tài liệu thực, thay vì nội dung tẻ nhạt trong sách giáo khoa để khơi dậy lòng đam mê học hỏi, trí tò mò và óc sáng tạo của các em.

### Tài liệu tham khảo

1. British Council (2015), *Teaching Large Classes*. Viewed Oct. 2015. Retrieved from

2. <https://www.teachingenglish.org.uk/article/teaching-large-classes>

3. Bahanshal, D. A. (2013), *The Effect of Large Classes on English Teaching and Learning in Saudi Secondary Schools. English Language Teaching* Vol. 6, No. 11; 2013 pp.49-59

4. Hayes, U. (1997). Helping teachers to cope with large classes. *ELT Journal*, 51, 31-38

5. Jupp, V. (2006) *The SAGE Dictionary of Social Research Methods*. Viewed Oct. 24, 2015. Retrieved from <http://srmo.sagepub.com/view/the-sage-dictionary-of-social-research-methods/n162.xml>

4. Rohin, R. (2013) *Teaching English in Large Classes in Afghanistan*. Teacher Educator Master